TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Phạm Quang Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc " *Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống với nhau, cả hai đều còn độc thân, chưa đăng ký kết hôn với ai.

Cuộc sống chung của ông bà đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Mai T, sinh ngày 23/10/1993 và Nguyễn Ngọc Mai G, sinh ngày 11/5/2002. Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

Ông xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông H về điều kiện, hoàn cảnh chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung đến năm 2002 thì mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Thời gian không sống chung đã lâu, hiện nay ông bà không còn tình cảm với nhau nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: ông bà có 02 con chung như ông H trình bày. Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng. Về con chung: Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc H có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị D, do đó xác định ông H là nguyên đơn, bà D là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy việc sống chung của ông H và bà D không thực hiện theo đúng quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

[4] Về con chung: các con chung Nguyễn Ngọc Mai T, sinh ngày 23/10/1993 và Nguyễn Ngọc Mai G, sinh ngày 11/5/2002 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí ông Nguyễn Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số 0004203 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được khấu trừ vào án phí. Ông Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh